

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01-12-2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU – TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Phạm Ngọc Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: Tô Thị Bích Hồng.

2. Ông: Trần Hữu Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Vũ Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2020/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64B/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Cao Thị A, sinh năm 1962

Trú tại: thôn C, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* ông Trần Văn H, sinh năm 1960.

Trú tại: thôn C, xã B, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị A trình bày:*

Bà và ông Trần Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 1981 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương. Năm 1984, ông bà về chung sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau thời gian chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2006 thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H ham rượu chè, thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ, bất đồng về quan điểm sống và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Kể từ ngày 2013, ông bà ly thân, nhưng vẫn sống cùng nhà. Nay thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không thể hàn gắn và chung sống với nhau được nên bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 3 con chung là Trần Văn H1, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1982; Trần Văn H2, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1984 và Trần Văn T sinh ngày 20 tháng 12 năm 1987. Hiện những người con này đã trưởng thành, đã khôn lớn, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có.

*Bị đơn ông Trần Văn H trình bày:*

Ông và bà Cao Thị A chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 1981 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương. Năm 1984, ông bà về chung sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Năm 2018 và 2020, bà A làm đơn ly hôn tại Tòa án, ông không biết lý do vì ông không cờ bạc, rượu chè. Ông đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: ông bà có 3 con chung là Trần Văn H1, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1982; Trần Văn H2, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1984 và Trần Văn T sinh ngày 20 tháng 12 năm 1987. Hiện những người con này đã trưởng thành, đã khôn lớn, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa:

**[1]***Về quan hệ tranh chấp:* bà Cao Thị A có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với ông Trần Văn H. Đây là vụ án “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

**[2]***Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo đúng trình tự và thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu, quyết định tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, bà Cao Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Trần Văn H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều

228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]*Về tình cảm*: bà Cao Thị A và ông Trần Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 1981 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương. Năm 1984, ông bà về chung sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau thời gian chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng về quan điểm sống và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Kể từ ngày 2013, ông bà ly thân. Mặc dù ông Trần Văn H mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, khi Tòa án triệu tập ông H đến để tiếp tục hòa giải nhưng ông H không chấp hành. Điều này thể hiện bản thân ông H không cố gắng trong việc hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Mặt khác, bà A cương quyết được ly hôn với ông H. Như vậy, thực tế cuộc hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích chung sống giữa bà A và ông H không đạt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của bà A đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn H là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[4]*Về con chung*: các con chung đều đã đủ tuổi thành niên, (lớn hơn 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5]*Về tài sản chung*: các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6]*Về nợ chung*: không có.

[7]*Về án phí*: bà Cao Thị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị A về việc ly hôn.

1. Về tình cảm: bà Cao Thị A được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về án phí: bà Cao Thị A phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

*(bà Cao Thị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000251, ngày 09/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều).*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.**  
**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Ngọc Bình**